TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1042/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-10-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;

Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 3004/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 7449/2021/QĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 7635/2021/QĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Xuân M, sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường L, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Lê Nhật V, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/12/2020 và lời khai của nguyên đơn – bà Trần Xuân M thì: Bà và ông Phạm Lê Nhật V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 16/7/2018. Thời gian đầu, ông V còn sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Từ cuối năm 2018, ông V chuyển đến Hoa Kỳ sinh sống và làm việc cho đến nay. Do

khoảng cách địa lý, B và ông V phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, cách sinh hoạt; vợ chồng không quan tâm, chia sẽ, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2020, B và ông V gần như không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phạm Lê Nhật V. Bà và ông Phạm Lê Nhật V không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Theo Bản tự khai của bị đơn – ông Phạm Lê Nhật V đã được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Fancisco, Hoa Kỳ chứng nhận số 723, quyển số 01/2021 ngày 20/5/2021 thì: Ông thống nhất với trình bày của bà Trần Xuân M về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn bà Trần Xuân M. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 2, Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 16/7/2018 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Xuân M với ông Phạm Lê Nhật V là hợp pháp. Xét thấy, giữa bà M và ông V đã không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại hai người ở hai nước khó có thể đoàn tụ. Bị đơn – ông V đã có văn bản gửi Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trình bày Ông đồng ý ly hôn với bà M. Việc bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Xuân M và ông Phạm Lê Nhật V là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa

thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Khoản 2, Điều 37; Khoản 2, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Xuân M và ông Phạm Lê Nhật V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Xuân M và ông Phạm Lê Nhật V.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 16/7/2018 do Ủy ban nhân dân phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Xuân M và ông Phạm Lê Nhật V là hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của hai bên đương sự thì trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt; thời gian không chung sống đã lâu; không quan tâm, chăm sóc nhau; tình cảm vợ chồng không còn nên bà Trần Xuân M yêu cầu ly hôn ông Phạm Lê Nhật V, ông Phạm Lê Nhật V cũng đồng ý ly hôn bà Trần Xuân M. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì bà Trần Xuân M và ông Phạm Lê Nhật V đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Trần Xuân M có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Xuân M và ông Phạm Lê Nhật V thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Đ a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Trần Xuân M khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Trần Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; Khoản 2, Điều 37; Khoản 2, Điều 38; Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 273 và Khoản 1, 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; Khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Trần Xuân M được ly hôn ông Phạm Lê Nhật V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Xuân M1 chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093535 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Xuân M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với bà Trần Xuân M và 01 (một) tháng đối với ông Phạm Lê Nhật V kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân phường P, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (TM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Minh